

Bản án số: **05/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 16/7/2025

V/v tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Diễm Huyền.

2. Bà Hồ Thị Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hiến – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 18/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2025 về “*Tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 249/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 195/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 25/6/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã A, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông **Kim Chanh Tha L**, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã A, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Trần Thị H trình bày: Bà và ông Tha L quen biết, có tình cảm và được gia đình tổ chức đám cưới năm 1998, nhưng đến ngày 10/9/2015 vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã A, thành phố Cần Thơ) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn cùng ngày. Trong quá trình chung sống vợ chồng có 05 con chung tên Kim Thị H sinh ngày 10/10/1999, Kim Thị P sinh ngày 16/3/2003 hiện đã trưởng thành, Còn Kim Thị M sinh ngày

03/6/2008, Kim Chanh T sinh ngày 20/10/2010; Kim Chanh B, sinh ngày 26/4/2013 hiện đang sống chung với ông Tha L.

Trong thời gian chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống chung rất hạnh phúc nhưng đến năm 2018 vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Vào năm 2019, bà H về nhà cha mẹ ruột và sống ly thân với ông Tha L cho đến nay. Nhận thấy đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết sau: *Về hôn nhân*: Yêu cầu được ly hôn với ông Kim Chanh Tha L; *Về con chung*: Đối với con chung tên Kim Thị H, sinh ngày 10/10/1999; Kim Thị P, sinh ngày 16/3/2003 hiện nay đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất, tinh thần nên không yêu cầu giải quyết; Đối với con chung tên Kim Thị M, sinh ngày 03/6/2008; Kim Chanh T, sinh ngày 20/10/2010; Kim Chanh B, sinh ngày 26/4/2013 yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của con, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là ông Kim Chanh Tha L: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Tha L nhưng ông không tham gia tố tụng, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của ông nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và yêu cầu của ông Tha L.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ; Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa, bà Trần Thị H có yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Kim Chanh Tha L đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Tha L có đăng ký kết hôn và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Quá trình chung sống, bà H và ông Tha L phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng không có biện pháp hàn gắn dẫn đến mâu

thuần vợ chồng ngày càng trầm trọng và kéo dài. Tòa án đã triệu tập các đương sự tham gia các phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho bà H và ông Tha L gặp nhau để tìm biện pháp hàn gắn và đoàn tụ nhưng ông Tha L không tham gia, cũng không có ý kiến phản đối. Xét thấy, quan hệ hôn nhân là phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, nay bà H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện là kiên quyết ly hôn với ông Tha L. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà H và ông Tha L có 05 người con chung tên 05 con chung tên Kim Thị H, sinh ngày 10/10/1999; Kim Thị P, sinh ngày 16/3/2003; Kim Thị M, sinh ngày 03/6/2008; Kim Chanh T, sinh ngày 20/10/2010; Kim Chanh B, sinh ngày 26/4/2013.

Xét thấy, hai con chung tên Kim Thị H, sinh ngày 10/10/1999 và Kim Thị P, sinh ngày 16/3/2003 hiện nay đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với 03 con chung tên Kim Thị M, sinh ngày 03/6/2008; Kim Chanh T, sinh ngày 20/10/2010; Kim Chanh B, sinh ngày 26/4/2013 hiện đang sống chung với ông Tha L. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có yêu cầu các đương sự đem 03 người con chung nêu trên đến Tòa án để ghi nhận nguyện vọng của các con chung nhưng các đương sự không thực hiện nên Tòa án không ghi nhận được nguyện vọng của các con chung.

Xét thấy, từ khi bà H và ông Tha L không còn sống chung đến nay thì các con chung tên Mai, Tiền và Bạc vẫn được ông Tha L chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Bà H không tranh chấp quyền nuôi con với ông Tha L. Nếu các con có nguyện vọng sống với bà H thì bà vẫn đồng ý trực tiếp nuôi nhưng đến nay không xác định được nguyện vọng các con. Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao 03 người con chung tên Mai, Tiền và Bạc cho ông Tha L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là cần thiết, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, cũng như ổn định môi trường sống cho các con chung, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao 03 người con chung tên Kim Thị M, Kim Chanh T, Kim Chanh B cho ông Tha L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Bà H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định tại Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình, không ai được quyền cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông Tha L là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát như đã phân tích trên.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Thị H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Kim Chanh Tha L.

1.2. Về con chung: Giao 03 người con chung tên Kim Thị M, sinh ngày 03/6/2008; Kim Chanh T, sinh ngày 20/10/2010; Kim Chanh B, sinh ngày 26/4/2013 cho ông Kim Chanh Tha L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Bà Trần Thị H được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở. Riêng 02 con chung tên Kim Thị H, sinh ngày 10/10/1999; Kim Thị P, sinh ngày 16/3/2003 hiện nay đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ vào 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009573 ngày 13/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – Cần Thơ).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND khu vực 10 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 10, THADS TP. Cần Thơ;
- UBND xã A, TP. Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh Đa